

Số: 537 /TB-ĐHDL

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2020

THÔNG BÁO
PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2020

THÔNG TIN TUYỂN SINH

- **Giới thiệu về trường:** Trường Đại học Điện lực là trường Đại học công lập trực thuộc Bộ công thương. **Sứ mệnh của trường:** "Là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của ngành năng lượng nói riêng và xã hội nói chung trong công cuộc hiện đại hóa và phát triển bền vững."

Địa chỉ: Số 235, Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Website tuyển sinh: <https://tuyensinh.epu.edu.vn/>

Email tư vấn tuyển sinh: dt@epu.edu.vn

Điện thoại tư vấn tuyển sinh: 024-22452662

1. Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

2. Phương thức tuyển sinh:

2.1. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (Học bạ)

2.2. Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT 2020

2.3. Xét tuyển thẳng

2.1. Xét tuyển thông qua kết quả học tập của thí sinh tại trường THPT (học bạ THPT)

- Thời gian nhận hồ sơ:

Đợt 1: từ 10/02/2020 đến 20/06/2020

- **Cách thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tuyển sinh hoặc qua đường bưu điện, hồ sơ gồm: **Phiếu ĐKXT theo mẫu; lệ phí xét tuyển 100.000đ/thí sinh.** (Thí sinh tải mẫu phiếu đăng ký xét tuyển tại <https://tuyensinh.epu.edu.vn/>)

- **Các điều kiện xét tuyển:** Thí sinh có điểm trung bình chung của các môn học trong tổ hợp dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 6.0 (theo thang điểm 10). Nhà trường cập nhật và thông báo kết quả sơ tuyển đợt 1 trên trang Web tuyển sinh trước ngày 30/06/2020. Các thí sinh đạt kết quả sơ tuyển sẽ chính thức trúng tuyển nếu tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. (Thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm 2020 có thể xác nhận nhập học và nhập học ngay sau khi có kết quả sơ tuyển).

Cách tính điểm và điểm ưu tiên xét tuyển

Xét kết quả học tập 3 môn thuộc các tổ hợp xét tuyển (theo ngành) của năm lớp10, lớp11 và học kỳ 1 lớp12

$ĐXT = (ĐTB \text{ Môn } 1 + ĐTB \text{ Môn } 2 + ĐTB \text{ Môn } 3) + ĐUT \text{ (nếu có)}$

- **$ĐTB \text{ Môn } 1 = (ĐTB \text{ cả năm lớp } 10 \text{ Môn } 1 + ĐTB \text{ cả năm lớp } 11 \text{ Môn } 1 + ĐTB \text{ kỳ } 1 \text{ lớp } 12 \text{ Môn } 1) / 3;$**

- ĐTB Môn 2 = (ĐTB cả năm lớp 10 Môn 2 + ĐTB cả năm lớp 11 Môn 2 + ĐTB kỳ 1 lớp 12 Môn 2)/3;

- ĐTB Môn 3 = (ĐTB cả năm lớp 10 Môn 3 + ĐTB cả năm lớp 11 Môn 3 + ĐTB kỳ 1 lớp 12 Môn 3)/3;

(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình; ĐUT: Điểm ưu tiên)

Nguyên tắc xét tuyển: Xét những thí sinh có điểm xét tuyển (ĐXT) theo tất cả các Tổ hợp xét tuyển (các tổ hợp xét tuyển có giá trị tương đương nhau) theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu xét tuyển của từng mã ngành tuyển sinh.

- **Đợt bổ sung (nếu có):** Nhà trường sẽ thông báo sau khi có kết quả xét tuyển đợt 1.

Tổ hợp các môn xét tuyển:

Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học

Tổ hợp A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh

Tổ hợp D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

(Các tổ hợp xét tuyển có giá trị tương đương nhau)

2.2. Xét tuyển thông qua kết quả của thí sinh trong kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2020 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức:

Căn cứ theo từng tổ hợp các môn xét tuyển (tại mục 2.1) và theo từng mã ngành tuyển sinh (có tính cả điểm ưu tiên).

Điểm Xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm thi 3 môn TNTHPT theo tổ hợp các môn xét tuyển + Điểm ưu tiên (ĐUT)

Điểm ưu tiên (ĐUT): Áp dụng theo quy chế tuyển sinh Đại học năm 2020 (Đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên) của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Đăng ký xét tuyển thông qua kết quả thi TNTHPT. Thủ tục và thời gian theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của trường ĐHĐL. Thí sinh có thể thực hiện đăng ký xét tuyển theo các phương thức sau:

- **Đợt 1:** Đăng ký xét tuyển thông qua cổng thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT (theo quy chế tuyển sinh hiện hành)

- **Đợt bổ sung (nếu có):** Nhà trường sẽ thông báo sau khi có kết quả xét tuyển đợt 1, thông tin sẽ được cập nhật trên cổng thông tin tuyển sinh của trường

ĐHĐL: <https://tuyensinh.epu.edu.vn/>

2.3. Xét tuyển thẳng

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thực hiện theo khoản 2, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh ban hành theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chỉ tiêu phân theo ngành đào tạo:

	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT	Chỉ tiêu xét theo kết quả học tập THPT (Học bạ)	Tổ hợp xét tuyển	Ghi chú
	Khối ngành V		2530	1990	540		
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	480	380	100	A00, A01, D07, D01	
1.1	Điện công nghiệp và dân dụng						
1.2	Hệ thống điện						
1.3	Tự động hoá Hệ thống điện						
1.4	Lưới điện thông minh						
2	Quản lý công nghiệp	7501601	60	45	15	A00, A01, D07, D01	
2.1	Quản lý sản xuất và tác nghiệp						
2.2	Quản lý bảo dưỡng công nghiệp						
2.3	Quản lý dự trữ và kho hàng						
3	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	200	160	40	A00, A01, D07, D01	
3.1	Điện tử và kỹ thuật máy tính						
3.2	Điện tử viễn thông						
3.3	Kỹ thuật điện tử						
3.4	Điện tử Robot và Trí tuệ nhân tạo						
3.5	TB Điện tử y tế						
3.6	Các HT thông minh và IoT						
3.7	Mạng viễn thông và máy tính						
4	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7510303	420	330	90	A00, A01, D07, D01	

	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT	Chỉ tiêu xét theo kết quả học tập THPT (Học bạ)	Tổ hợp xét tuyển	Ghi chú
4.1	Công nghệ kỹ thuật điều khiển						
4.2	Tự động hóa và điều khiển thiết bị điện công nghiệp						
4.3	Tin học cho điều khiển và tự động hóa						
5	Công nghệ thông tin	7480201	450	360	90	A00, A01, D07, D01	
5.1	Công nghệ phần mềm						
5.2	Hệ thống thương mại điện tử						
5.3	Quản trị và an ninh mạng						
5.4	Trí tuệ nhân tạo và thị giác máy tính						
6	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	195	150	45	A00, A01, D07, D01	
7	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	170	130	40	A00, A01, D07, D01	
7.1	Cơ khí chế tạo máy						
7.2	Công nghệ chế tạo thiết bị điện						
7.3	Cơ khí ô tô						
8	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7510102	125	100	25	A00, A01, D07, D01	
8.1	Quản lý dự án và công trình xây dựng						
8.2	Xây dựng công trình điện						
8.3	Xây dựng dân dụng và công nghiệp						
8.4	Cơ điện công trình						

17

	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT	Chỉ tiêu xét theo kết quả học tập THPT (Học bạ)	Tổ hợp xét tuyển	Ghi chú
9	Kỹ thuật nhiệt	7520115	150	120	30	A00, A01, D07, D01	
9.1	Điện lạnh						
9.2	Nhiệt điện						
9.3	Nhiệt công nghiệp						
10	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	100	80	20	A00, A01, D07, D01	
11	Quản lý năng lượng	7510602	60	45	15	A00, A01, D07, D01	
11.1	Kiểm toán năng lượng						
11.2	Thị trường điện						
11.3	Quản lý năng lượng tòa nhà						
12	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	7510403	60	45	15	A00, A01, D07, D01	
12.1	Năng lượng tái tạo						
13	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	60	45	15	A00, A01, D07, D01	
13.1	Công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường						
13.2	Quản lý môi trường công nghiệp						
13.3	Quan trắc và đánh giá tác động môi trường						
	Khối ngành III		900	710	190		
14	Kế toán	7340301	200	160	40	A00, A01, D07, D01	
14.1	Kế toán doanh nghiệp						
14.2	Kế toán và kiểm soát						
15	Quản trị kinh doanh	7340101	350	280	70	A00, A01, D07, D01	

72

	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổng chỉ tiêu	Chỉ tiêu xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT	Chỉ tiêu xét theo kết quả học tập THPT (Học bạ)	Tổ hợp xét tuyển	Ghi chú
15.1	Quản trị du lịch, khách sạn						
15.2	Quản trị doanh nghiệp						
16	Tài chính – Ngân hàng						
16.1	Ngân hàng	7340201	180	140	40	A00, A01, D07, D01	
16.2	Tài chính doanh nghiệp						
17	Kiểm toán	7340302	60	45	15	A00, A01, D07, D01	
18	Thương mại điện tử						
18.1	Kinh doanh thương mại trực tuyến	7340122	60	45	15	A00, A01, D07, D01	
19	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	50	40	10	A00, A01, D07, D01	
	Tổng cộng		3430	2700	730		

Ghi chú: Thí sinh trúng tuyển vào một ngành sau 1 năm nhập học sẽ được chọn chuyên ngành học.

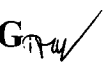
4. Học phí và lộ trình tăng học phí:

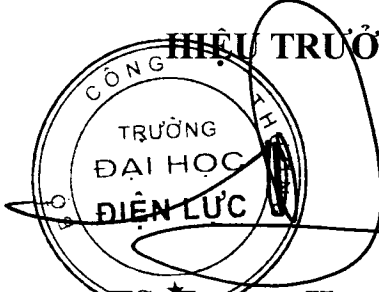
(ĐVT: 1.000 đồng/tháng)

TT	Nội dung	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2022 - 2025
1	Khối Kinh tế	1.300	1.300	1.430	Nếu có thay đổi mức học phí thì mức thay đổi không quá $\pm 10\%$ so với năm trước.
2	Khối Kỹ thuật	1.450	1.450	1.595	Nếu có thay đổi mức học phí thì mức thay đổi không quá $\pm 10\%$ so với năm trước.

Nơi nhận:

- Các đơn vị trong trường;
- Trang Web và cổng TTTS của trường;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG 



TS. Trương Huy Hoàng

THƯỜNG